

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10/8/2018
V/v Ly hôn , tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Ông Nguyễn Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số 99/2018/TLST - HNGĐ ngày 20/4/2018 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST - HNGĐ ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mạc Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú : Xóm 4, xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1950

Địa chỉ cư trú: Xóm 4, xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mạc Thị T trình bày: Chị và anh T1 đăng ký kết hôn ngày 22/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 ghen tuông,

tính tình cục cằn, thô lỗ, thường xuyên uống rượu đánh chửi chị. Chị đã nhiều lần viết đơn ly hôn nhưng được Tòa án, gia đình hai bên hòa giải, động viên, chị lại rút đơn về. Sau khi rút đơn về, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh T1 vẫn thường xuyên đánh đập chị. Hai vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T1 có hai con chung là Đinh Thị T4, sinh ngày 10/6/2000, Đinh Văn Q, sinh ngày 02/12/2011. Cháu T4 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường tự lo cuộc sống riêng chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị được nuôi con Đinh Văn Q và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không lấy được lời khai của anh T1..

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/05/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T3 (mẹ đẻ chị T) xác nhận: Chị T và anh T1 kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng ăn riêng, ở riêng nhưng trên thửa đất của bố mẹ anh T1. Anh T1 đi phụ xây, chị T đi bán cua cá. Công việc của chị T không có thời gian cố định, đi sớm về muộn nên anh T1 ghen tuông, đánh đập chị T. Năm 2014, anh T1 yêu cầu chị T đưa tiền (để làm gì không rõ), chị T không đưa, anh T1 đã lấy thang giường đánh chị T. Công an xã đã xử lý hành chính anh T1 về hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra, anh T1 còn nhiều lần túm tóc đánh chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà, chị T phải thuê nhà để sống cùng các con từ năm 2011 cho đến nay. Chị T đã làm đơn xin ly hôn anh T1 nhiều lần nhưng do anh T1 quỳ lạy để xin chị T về đoàn tụ nên chị T rút đơn nhưng anh T1 không thay đổi. Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chính quyền địa phương nơi anh T1 cư trú xác nhận: Quá trình chung sống, anh T1 thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, công an xã đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T1 không có biểu hiện tiến bộ. Ngày 10/4/2018, Trưởng công an xã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; Ngày 31/5/2016, Trưởng công an xã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình. Khi giao Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, anh T1 không nhận, không ký, anh đề nghị giải quyết ly hôn một phía theo yêu cầu của chị T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/05/2018, cháu Đinh Văn Q (con đẻ của chị T và anh T1) có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị T, anh T1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị T ly hôn anh Đinh Văn T1
- Về con chung: Giao con chung Đinh Văn Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.
- Tài sản, nợ, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Không giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt. Anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 đăng ký kết hôn ngày 22/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Bản thân chị T, gia đình chị T, chính quyền địa phương nơi chị T và anh T1 sinh sống đều xác nhận quan hệ vợ chồng chị T, anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hai anh chị thường xuyên xảy ra xô sát, sống ly thân nhiều năm không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không hợp tác, không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Cháu Đinh Thị T4 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường tự lo cuộc sống riêng, không đặt ra giải quyết. Xét đề nghị của chị T được nuôi cháu Q thì thấy rằng: Chị T hiện nay đang ở với bố mẹ đẻ điều kiện chỗ ăn ở tương đối rộng rãi. Mẹ đẻ của chị T cũng có quan điểm sẽ hỗ trợ chị T trong việc nuôi dạy cháu Q, nếu chị T được giao nuôi con, thu nhập của chị T tương đối ổn định từ 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/ 01 tháng. Mặt khác, cháu Q hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng. Bản thân cháu Q có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào

nguyện vọng của con chung và điều kiện mọi mặt của chị T, việc giao con chung cho chị Tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con được ghi nhận.

[4] Tài sản, nợ, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị T ly hôn anh Đinh Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đinh Văn Q, sinh ngày 02/12/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000073 ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Lưu hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phu

